

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 494/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 12 – 2024

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Bà Lê Trường An

- **Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lý Ngọc H, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R.C, xã K.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Võ Văn T, sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R.C, xã K.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 23/10/2024, chị Lý Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K.B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng vợ, chồng hạnh phúc được vài năm đầu, sau đó bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ, chồng không còn dù cha, mẹ hai bên hết sức hàn gắn nhưng không hiệu quả. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh T có 02 người con chung là Võ Su B, sinh ngày 03/10/2017 và Võ Thành C, sinh ngày 20/9/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết hai con; yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/người.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị H khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

* Trong biên bản xin vắng mặt ngày 04/12/2024, anh Võ Văn T trình bày: Về hôn nhân, giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì lớn trong cuộc sống vợ, chồng. Do anh đi làm ăn xa nên tình cảm vợ, chồng không còn gắn bó, mật thiết với nhau và đã ly thân khoảng năm nay. Vì vậy, anh thống nhất ly hôn với chị H. Về con chung, anh đã mang cháu Võ Su B về chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học; anh thống nhất giao cháu Võ Thành C cho chị H nuôi; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung có nhưng anh không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có. Do điều kiện công việc nên anh xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Lý Ngọc H và anh Võ Văn T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Lý Ngọc H và anh Võ Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lý Ngọc H và anh Võ Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị H và anh T là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không hiệu quả, đồng thời anh T xét thấy không thể đoàn tụ nên thống nhất ly hôn với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Hiện cháu Võ Su B do anh T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Võ Thành C đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến

hành ghi ý kiến cháu Võ Su B thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị H. Tuy nhiên, giữa chị H và anh T có sự thỏa thuận nên đã giao cháu Su B về cho anh T trực tiếp nuôi và cho ăn học nên tiếp tục giao cháu Su B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Võ Thành C tuy chưa đủ 07 tuổi, Tòa án không ghi ý kiến nhưng qua tham khảo nguyện vọng của cháu thì cháu cũng muốn được sống chung với chị H và hiện do chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Thành C cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ/người. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, anh T hiện tại chưa có công việc và thu nhập ổn định, xét điều kiện thu nhập thực tế của anh T, mức sống, mức lương tối thiểu vùng, mức sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương tối thiểu vùng hiện nay do Nhà nước quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Danh mục địa bàn vùng đối với huyện T là 3.640.000đ. Nhưng do anh T hiện còn phải chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Su B, vì vậy, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thành C mỗi tháng 1.000.000đ là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H và anh T khai rằng giữa anh, chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Ngọc H về việc ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Su B, sinh ngày 03/10/2017 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tiếp tục giao cháu Võ Thành C, sinh ngày

20/9/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị H, anh T không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị H phải chịu 300.000đ, ngày 23/10/2024, chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 5769 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh T phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải